

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN TRI TÔN
TỈNH AN GIANG**

Bản án số: 60/2022/HNGĐ-ST

Ngày: 07/9/2022

*“V/v tranh chấp hôn nhân và gia đình
ly hôn, nuôi con chung”*

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TRI TÔN TỈNH AN GIANG

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Đỗ Minh Huyền

Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Chế Thị Hồng Cẩm;

2. Ông Chau Khon Sốc.

- ***Thư ký phiên tòa:*** Ông Đặng Văn Việt, thư ký Tòa án nhân dân huyện Tri Tôn, tỉnh An Giang.

- ***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tri Tôn, tỉnh An Giang tham gia phiên tòa:*** Ông Chau Pho Ly – Kiểm sát viên.

Ngày 07 tháng 9 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Tri Tôn, xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số: 215/2022/TLST-HNGĐ, ngày 02 tháng 6 năm 2022 về việc “*Tranh chấp hôn nhân và gia đình ly hôn, nuôi con chung*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 110/2022/QĐXXST-HNGĐ, ngày 11 tháng 8 năm 2022 và Quyết định hoãn phiên tòa số 38/2022/QĐST-HNGĐ, ngày 25/8/2022 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị Néang K, sinh năm 1993; địa chỉ: Tổ 13, ấp Tô Hạ, xã Núi Tô, huyện Tri Tôn, tỉnh An Giang (có mặt);

2. Bị đơn: Anh Chau R, sinh năm 1989; địa chỉ: Tổ 5, ấp Tô Thuận, xã Núi Tô, huyện Tri Tôn, tỉnh An Giang (vắng mặt);

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, bản tự khai và biên bản không tiến hành hòa giải được tại Tòa án chị Néang K trình bày:

Về hôn nhân: Vào năm 2016 chị và anh R quen biết nhau do tự tìm hiểu nên chúng tôi có tổ chức lễ cưới và có đăng ký kết hôn số 91, ngày 30/12/2016 thì tại Ủy ban nhân dân xã Núi Tô, huyện Tri Tôn, tỉnh An Giang. Thời gian đầu cuộc sống hạnh phúc nhưng từ khoảng tháng 10 năm 2017 thì vợ chồng phát sinh mâu thuẫn nguyên nhân do anh R không quan tâm đến đời sống vợ chồng,

không tôn trọng vợ, vợ chồng thường xuyên cãi vã, mặc dù nhiều lần chị khuyên ngăn để cùng nhau hàn gắn tình cảm nhưng anh R vẫn không thay đổi nên vợ chồng đã sống ly thân từ tháng 10 năm 2020 cho đến nay. Nay chị K yêu cầu được ly hôn anh R.

Về con chung: Có một con chung tên Néang Srây R1, sinh ngày 07/5/2018. Hiện đang sống với chị K nên yêu cầu được nuôi cháu R1, không yêu cầu anh R cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản chung, nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tòa án đã tiến hành đã tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng theo quy định của pháp luật tố tụng dân sự cho bị đơn anh Chau R. Tuy nhiên, anh R vẫn không tham gia tố tụng. Vì vậy, Tòa án không tiến hành hòa giải giữa các đương sự được.

Tại phiên tòa nguyên đơn vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện.

Nguyên đơn xác định đã cung cấp đầy đủ chứng cứ cho tòa án; không còn cung cấp thêm chứng cứ nào khác.

Hội đồng xét xử công bố kết quả xác minh về tình trạng hôn nhân, nơi cư trú của anh R.

Phát biểu của Kiểm sát viên về việc tuân theo pháp luật tố tụng, quan điểm giải quyết vụ án:

Việc tuân theo pháp luật tố tụng: Từ khi thụ lý giải quyết án Thẩm phán đã thực hiện đúng, đầy đủ quy định tại Điều 35, Điều 68, Điều 97, Điều 227 của Bộ luật tố tụng dân sự, Hội thẩm nhân dân đã thực hiện đúng quy định về xét xử phiên tòa sơ thẩm.

Về chấp hành pháp luật của đương sự thì nguyên đơn đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ, chấp hành đúng quy định tại Điều 71. Tuy nhiên bị đơn đã được tổng đạt hợp lệ nhưng vẫn vắng mặt lần hai nên không thực hiện Điều 72 Bộ luật tố tụng dân sự.

Về quan điểm giải quyết vụ án: Căn cứ hồ sơ vụ án, các tài liệu chứng cứ đã được Hội đồng xét xử xem xét và kết quả tranh luận của những người tham gia tố tụng tại phiên tòa, nhận thấy theo yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn có đủ cơ sở để chấp nhận.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Chị Néang K khởi kiện yêu cầu ly hôn anh Chau R có địa chỉ tại tổ 5, ấp Tô Thuận, xã Núi Tô, huyện Tri Tôn, tỉnh An Giang nên thuộc tranh chấp ly hôn và thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Tòa án đã tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng cho anh R. Nhưng tại phiên tòa, anh R vẫn vắng mặt. Xét đây là lần vắng mặt thứ hai của anh R nên Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về nội dung:

Về hôn nhân: Vào năm 2016 chị K và anh R quen biết nhau do tự tìm hiểu, có tổ chức đám cưới và có đăng ký kết hôn số 91, ngày 30/12/2016 thì tại Ủy ban nhân dân xã Núi Tô, huyện Tri Tôn, tỉnh An Giang nên đây là hôn nhân hợp pháp phù hợp theo Điều 9 Luật hôn nhân và gia đình.

Theo lời khai của chị K cho rằng vợ chồng mâu thuẫn từ tháng 10 năm 2017 nguyên nhân do anh R không quan tâm đến đời sống vợ chồng, không tôn trọng vợ, vợ chồng thường xuyên cãi vã, mặc dù nhiều lần chị khuyên ngăn để cùng nhau hàn gắn tình cảm nhưng anh R vẫn không thay đổi nên vợ chồng đã sống ly thân từ tháng 10 năm 2020 cho đến nay, nay tình cảm không còn nên chị K yêu cầu được ly hôn.

Biên bản xác minh ngày 09 tháng 8 năm 2022 tại ấp Tô Hạ, xã Núi Tô địa phương cho biết: Vợ chồng chị K và anh R có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Núi Tô. Về mâu thuẫn vợ chồng thì địa phương không biết do không trình báo nhưng chỉ biết hiện tại chị K đi làm tại thành phố còn chồng thì đã không còn sinh sống tại địa phương, nghe nói là đã về bên nhà tại ấp Tô Thuận xã Núi Tô sinh sống, còn con chung cháu Néang Srây R1, sinh năm 2018 thì đang được bà ngoại nuôi dưỡng.

Biên bản xác minh ngày 10 tháng 8 năm 2022 tại ấp Tô Thuận xã Núi Tô địa phương cho biết: Anh Chau R có đăng ký hộ khẩu thường trú tại tổ 10, ấp Tô Thuận, xã Núi Tô, huyện Tri Tôn. Sau khi kết hôn vợ chồng sống tại ấp Tô Hạ, nhưng vợ chồng do có mâu thuẫn từ năm 2017 nên đã sống ly thân nên ông R đã về ấp Tô Thuận sinh sống, trước đây có đi làm tại thành phố Hồ Chí Minh nhưng hiện tại đã về địa phương sống. Còn con chung thì có một đứa tên Néang Srây R1, sinh năm 2018 hiện đang ở với bà ngoại bên vợ.

Xét thấy, lời khai của chị K và các biên bản xác minh phù hợp với nhau về việc vợ chồng có mâu thuẫn với nhau từ năm 2017 cho đến nay, nên vợ chồng đã sống ly thân từ năm 2017 cho đến nay. Trong thời gian ly thân 05 năm đủ dài để hai bên cùng hàn gắn tình cảm nhưng cả hai cũng không thể hàn gắn lại tình cảm. Đồng thời anh R cũng không còn sinh sống bên vợ cho thấy anh R cũng không cố gắng hàn gắn tình cảm vợ chồng, để mặc cho chị K tự sinh sống. Cho thấy cuộc sống hôn nhân vợ chồng không còn hạnh phúc.

Cho nên, tình trạng hôn nhân vợ chồng đã đến mức trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, đủ căn cứ chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị K theo Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình.

[3] *Về con chung*: Chị K và anh R có một con chung tên Néang Srây R1, sinh ngày 07/5/2018. Hiện đang sống với chị K nên chị yêu cầu được nuôi cháu R1, không yêu cầu anh R cấp dưỡng nuôi con chung.

Nhận thấy, hiện tại cháu R1 đang sống với chị K và bà ngoại chăm sóc và chị K có đi làm nên có thu nhập đảm bảo cho việc nuôi dạy, chăm sóc. Từ đó để đảm bảo cho môi trường sống cháu R1 được ổn định thì giao cháu R1 cho chị K tiếp tục nuôi dạy là phù hợp, anh R không phải cấp dưỡng nuôi con do chị K không yêu cầu phù hợp quy định tại khoản 2 Điều 81 của Luật Hôn nhân và gia đình, xét chấp nhận.

Căn cứ Điều 58 Luật hôn nhân và gia đình thì sau khi ly hôn cha mẹ vẫn có quyền, nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con theo quy định pháp luật mà không ai được quyền cản trở.

Trên cơ sở lợi ích của con, khi có yêu cầu của đương sự hoặc cá nhân, tổ chức, Tòa án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con.

[4] *Về tài sản chung, nợ chung*: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[5] *Về án phí*: Chị K khởi kiện xin ly hôn nên phải chịu án phí hôn nhân theo mức án phí không giá ngạch.

Anh R không phải chịu án phí hôn nhân.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 9, Điều 56, Điều 58, khoản 2 Điều 81 Luật hôn nhân và gia đình; khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, Điều 144, Điều 147, điểm b khoản 2 Điều 227, Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH 14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường Vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án;

Chấp nhận toàn bộ câu khởi kiện của Chị Néang K.

Về hôn nhân: Chị Néang K được ly hôn với anh Chau R

Giấy chứng nhận kết hôn số 91, ngày 30/12/2016 thì tại Ủy ban nhân dân xã Núi Tô, huyện Tri Tôn, tỉnh An Giang không còn giá trị pháp lý

Về con chung: Chị Néang K được tiếp tục nuôi dạy con chung tên Néang Srây R1, sinh ngày 07/5/2018. Anh Chau R không phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Sau khi ly hôn cha mẹ vẫn có quyền, nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con theo quy định pháp luật mà không ai được quyền cản trở.

Trên cơ sở lợi ích của con, khi có yêu cầu của đương sự hoặc cá nhân, tổ chức, Tòa án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con.

Về tài sản chung, nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

Về án phí: Chị Néang K phải chịu 300.000 đồng (*Ba trăm ngàn đồng*) tiền án phí hôn nhân, gia đình sơ thẩm, nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số: 0008396 ngày 16/5/2022 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Tri Tôn.

Anh Chau R không phải chịu án phí hôn nhân.

Trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự có mặt có quyền kháng cáo đến Tòa án nhân dân tỉnh An Giang để yêu cầu xét xử phúc thẩm.

Riêng đương sự vắng mặt có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày bản án được giao hoặc được niêm yết.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKS.ND huyện Tri Tôn;
- THA.DS huyện Tri Tôn;
- TAND Tỉnh An Giang;
- Lưu Văn phòng;
- Lưu.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Đỗ Minh Huyền